

Bản án số: 73/2025/HS - ST

Ngày: 17-12-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4-NGHỆ AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Lĩnh

Các hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Đóa và ông Đậu Cao Nhu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4-Nghệ An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Nghệ An tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Chắt - Kiểm sát viên

Trong ngày 17 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4-Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 71/2025/TLST-HS ngày 25 tháng 11 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2025/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn P, sinh ngày 09 tháng 4 năm 2007 tại xã Q, tỉnh Nghệ An; CCCD số: 040207011518 ngày 27 tháng 4 năm 2022 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; nơi cư trú: Thôn T, xã Q, tỉnh Nghệ An; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; con ông Nguyễn Văn K (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; vợ, con: Chưa có; tiền án; tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/9/2025 đến ngày 11/9/2025 tại Trại tạm giam Công an tỉnh N, sau đó bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 11/9/2025 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Hồ Hữu H1, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Duy H2, sinh ngày 14/9/2010. Người đại diện theo pháp luật của anh H2: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975. Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Q, tỉnh Nghệ An. anh H2 và ông T có mặt.

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn T, xã Q, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

3. Bà Trần Thị H3, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn N, xã Q, tỉnh Nghệ An. Có mặt.
4. Bà Ngô Thị H4, sinh năm 1959. Địa chỉ: Xóm C, xã Q, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.
5. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn T, xã Q, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 02/9/2025, anh Hồ Hữu H1, sinh năm 1993, trú tại thôn Đ, xã Q, tỉnh Nghệ An ra tàu cá mang số hiệu NA 93868TS để kiểm tra phục vụ đi đánh cá thì phát hiện đã bị mất trộm các tài sản gồm bình ắc quy và máy bơm nước. Anh H1 đã đến Công an xã Q trình báo sự việc. Quá trình điều tra, Nguyễn Duy H2 đến Công an xã Q đầu thú, khai nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cùng với Nguyễn Văn P. Hành vi trộm cắp tài sản của Nguyễn Văn P và Nguyễn Duy H2 đã thực hiện như sau:

Vào tối ngày 06/8/2025, Nguyễn Văn P và Nguyễn Duy H2 (sinh ngày 14 tháng 9 năm 2010, trú tại thôn T, xã Q, tỉnh Nghệ An) ngủ tại nhà của P. Đến khoảng 03 giờ ngày 07/8/2025, H2 rủ P đi trộm cắp tài sản trên tàu cá để bán lấy tiền tiêu xài thì P đồng ý. Sau đó, P và H2 thống nhất đi sang cảng thuộc thôn T, xã A cũ để lấy ắc quy trên tàu cá neo đậu tại đó. Sau đó thì P sử dụng xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Janus, biển kiểm soát 37L2 – 109.35 của chị Nguyễn Thị H (là mẹ của P) chở H2 đi đến cảng để lấy trộm tài sản. Khi đi đến sân bóng đầu làng thôn T, thì P để xe mô tô tại đây rồi cùng H2 đi bộ đến bến cảng. Lúc này khoảng 03 giờ 30 phút cùng ngày, cả hai đi lên một chiếc tàu cá mang số hiệu NA 93868TS của anh Hồ Hữu H1 đang neo đậu tại cảng, rồi cùng nhau đi lên chiếc tàu cá này tìm kiếm chìa khóa để vào tàu. Tìm một lúc thì P tìm thấy chìa khóa ở gần cửa phía sau tàu cá rồi P dùng chiếc chìa khóa này mở cửa sau của tàu cá. Sau khi mở được cửa đi vào khoang lái của tàu cá thì P và H2 tìm kiếm tài sản có giá trị để lấy trộm nhưng không có. Sau đó, tiếp tục đi xuống khoang máy của tàu cá để tìm kiếm tài sản thì P nhìn thấy có 02 (hai) chiếc ắc quy gồm một chiếc màu trắng và một chiếc màu đen và 02 (hai) chiếc máy bơm nước. P sử dụng cờ lê và dao trên tàu cá để tháo 02 chiếc ắc quy và 02 chiếc máy bơm. P và H2 lần lượt khiêng 02 (Hai) chiếc ắc quy (loại “dongnai” và “GS”) và hai chiếc máy bơm nước (nhãn hiệu DONGYIN) sang chiếc thuyền bên cạnh, rồi đi về lấy chiếc đò của bố H2 đang neo đậu để chở tài sản vừa trộm cắp được. P và

H2 chèo đò đi đến sát vị trí để tài sản rồi di chuyển các tài sản trộm cắp được xuống chiếc đò, mang đi cất giấu tại vị trí gần chân cầu Q cũ hướng về xã A cũ. Đến khoảng 11 giờ 00 cùng ngày, P lấy xe mô tô, biển kiểm soát 37L2 – 109.35 chở H2 đi đến vị trí cất giấu tài sản để lấy tài sản mang đi bán. Khi đến nơi, thì lấy trước 02 (hai) chiếc máy bơm nước rồi đưa đến nhà bà Trần Thị H3 (làm nghề buôn bán phế liệu) để bán. Lúc đến nhà bà Trần Thị H3, P trực tiếp vào giao dịch với bà H3 và bán được số tiền 460.000 đồng. Sau khi bán hai chiếc máy bơm nước cho bà H3 thì P chở H2 đến vị trí cất giấu tài sản trước đó lấy thêm một chiếc ắc quy màu đen rồi tiếp tục đưa đến bán cho bà H3 bán với số tiền 1.150.000 đồng. Sau đó, P chở H2 đi đến một cửa hàng thu mua phế liệu gần khu vực ngã ba xã Q cũ gặp bà Ngô Thị H4, sinh năm 1959 là chủ cửa hàng phế liệu rồi hỏi người này có mua ắc quy không thì người này trả lời có. Sau đó, P chở H2 đến vị trí cất giấu tài sản trước đó lấy chiếc ắc quy màu trắng còn lại rồi đưa đến bán cho bà H4 với giá 998.000 đồng. Tổng số tiền các đối tượng bán tài sản từ việc trộm cắp là 2.608.000 đồng. P đưa cho H2 500.000 đồng, còn lại Phú giữ tiêu xài cá nhân.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 162/KL-HĐĐGTS ngày 05/9/2025 của Hội đồng định giá tài sản UBND tỉnh N đã kết luận:

- + 01 chiếc ắc quy màu trắng, phần nắp màu đen, nhãn hiệu “dongnai” loại N200 (điện áp 12 V, điện lượng 200Ah) chiếc ắc quy được mua mới và sử dụng từ tháng 7/2023; tại thời điểm tháng 8/2025 có giá trị là 1.500.000 đồng
- + 01 chiếc ắc quy màu đen, nhãn hiệu “GS” loại N200 (điện áp 12 V, điện lượng 200Ah) chiếc ắc quy được mua mới và sử dụng từ tháng 7/2023; tại thời điểm tháng 8/2025 có giá trị là 1.500.000 đồng
- + 01 chiếc máy bơm nước trực đứng nhãn hiệu DONGYIN, công suất 750W, được mua mới và sử dụng từ tháng 6/2023, tại thời điểm tháng 8/2025 có giá trị là 850.000 đồng.
- + 01 chiếc máy bơm nước trực đứng nhãn hiệu DONGYIN, công suất 560W, được mua mới và sử dụng từ tháng 6/2024, tại thời điểm tháng 8/2025 có giá trị là 650.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà P và H2 trộm cắp của anh H1 vào ngày 07/8/2025 theo kết luận định giá là 4.500.000 đồng.

- Về vật chứng vụ án:

- + 01 chiếc ắc quy màu trắng, phần nắp màu đen, nhãn hiệu “dongnai” loại N200 (điện áp 12 V, điện lượng 200Ah) thu giữ của bà Ngô Thị H4;
- + 01 chiếc ắc quy màu đen, nhãn hiệu “GS” loại N200 (điện áp 12 V, điện lượng 200Ah);

- 01 chiếc máy bơm nước trực đứng nhãn hiệu DONGYIN, công suất 750W;
- 01 chiếc máy bơm nước trực đứng nhãn hiệu DONGYIN, công suất 560W thu giữ của bà Trần Thị H3;

Các vật chứng nêu trên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh N trả lại cho chủ sở hữu là anh Hồ Hữu H1.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Hồ Hữu H1 đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Đối với bà Ngô Thị H4 và Trần Thị H3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận được tiền bồi thường do Nguyễn Văn P giao lại (cho bà H3 số tiền 1.610.000 đồng, bà Hằng số tiền 998.000 đồng), không ai có yêu cầu gì khác.

Đối với Nguyễn Duy H2 là người cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với bị cáo P, tuy nhiên tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp H2 mới 14 tuổi 10 tháng 24 ngày, chưa đủ tuổi để chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N đã chuyển hồ sơ đến Công an xã Q xử phạt hành chính theo quy định pháp luật.

Đối với bà Ngô Thị H4 và bà Trần Thị H3 là những người mua tài sản do bị cáo P trộm cắp mang đến bán, tuy nhiên bà H4 và bà H3 không biết được đây là tài sản do phạm tội mà có nên không phạm tội.

Đối với bà Nguyễn Thị H, là chủ sở hữu của chiếc xe mô tô, biển kiểm soát 37L2 – 109.35 và ông Nguyễn Văn T (bố của H2) là chủ sở hữu của chiếc đồ, đây là phương tiện P và H2 dùng để làm phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp, chở tài sản trộm cắp được mang đi cất giấu, tiêu thụ. Bà H, ông T không biết việc H2 và P sử dụng xe mô tô, chiếc đồ của mình để thực hiện hành vi phạm tội nên không đồng phạm.

Tại bản cáo trạng số 29/CT-VKSKV4 ngày 24/11/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Nghệ An đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn P về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Nghệ An vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ, không khấu trừ thu nhập của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ từ ngày 02/9/2025 đến ngày 11/9/2025, quy đổi cứ 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên miễn xét.

Về vật chứng vụ án: Đã trả lại cho bị hại.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn P khai nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng truy tố. Bị cáo không có tranh luận gì về tội danh, hình phạt, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với vật chứng của vụ án, phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung cáo trạng. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để khẳng định vào khoảng 03 giờ 30 phút, ngày 07/8/2025, Nguyễn Văn P cùng với Nguyễn Duy H2 (chưa đủ tuổi truy cứu trách nhiệm hình sự) đã cùng nhau lên tàu cá mang số hiệu NA 93868TS của anh Hồ Hữu H1 đang neo đậu tại cảng cá tại thôn T, xã Q, tỉnh Nghệ An trộm cắp 02 chiếc ắc quy và 02 chiếc máy bơm nước. Tổng giá trị tài sản mà H2 và P đã trộm cắp tại thời điểm chiếm đoạt là 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Bị cáo Nguyễn Văn P đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và không thuộc trường hợp không phải chịu trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo Nguyễn Văn P đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như Cáo trạng truy tố là đúng người, đúng pháp luật.

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo không chăm lo lao động chân chính mà đi vào con đường phạm tội vì muốn kiếm tiền một cách nhanh chóng. Hành vi của bị cáo gây lo lắng, hoang mang trong quần chúng nhân dân. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải quyết định hình phạt tương xứng với tính chất nguy hiểm của hành vi bị cáo thực hiện.

[4]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn P không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có các tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm I khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; sau khi phạm tội đã tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do đó hội đồng xét xử áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là đủ nghiêm và đủ sức răn đe phòng ngừa chung tội phạm.

[5]. Về khấu trừ thu nhập của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ: Tại phiên tòa bị cáo khai thu nhập từ nghề đi đánh cá biển mỗi tháng từ 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự khấu trừ thu nhập của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ hằng tháng.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự “người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”. Hội đồng xét xử xét căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ và lời khai tại phiên tòa bị cáo không có tài sản riêng có giá trị lớn, bị cáo đã bị khấu trừ thu nhập hằng tháng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, bà Ngô Thị H4 và Trần Thị H3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận được tiền bồi thường do Nguyễn Văn P trả lại. Không ai có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

[8]. Về vật chứng vụ án: Đã được trả lại cho chủ sở hữu.

[9]. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn P 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ thu nhập của bị cáo Nguyễn Văn P hằng tháng 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ từ ngày 02/9/2025 đến ngày 11/9/2025, quy đổi cứ 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Nguyễn Văn P cho Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Nghệ An giám sát giáo dục bị cáo, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Q giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án cải tạo không giam giữ.

“Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh N nhận được quyết định thi hành án”.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn P phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Văn P, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Duy H2, ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị H3, bà Nguyễn Thị H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại anh Hồ Hữu H1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị H4 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại, người có QLNVLQ
- VKSND khu vực 4-Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An
- THADS tỉnh Nghệ An
- VKS tỉnh Nghệ An.
- Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Quỳnh Phú, tỉnh Nghệ An
- Công an xã Quỳnh Phú, tỉnh Nghệ An.
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hồng Lĩnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Đóa Đ Cao Nhu

Phạm Hồng L